

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 8 - 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trường Tam

2. Ông Nguyễn Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân GD, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 877/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST – HNGĐ ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1977;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: tổ 13, ấp Xóm M, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.

Chị S có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện có qua tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước T, GD, tỉnh TN. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn kiếm tiền, không quan tâm chăm sóc vợ con, ham mê cờ bạc, cá độ bóng đá, đá

gà và thường xuyên ngày nào cũng uống rượu về nhà là say sấn, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh không nghe trái lại anh còn chửi mắng và đập phá đồ đạc, tài sản trong nhà. Đến tháng 12 năm 2019 chị bỏ nhà chuyển đến sinh sống cùng người em ruột từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu xin ly hôn cùng anh T.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Đan H, sinh ngày 30/12/2003. Hiện con đang sinh sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lời khai ngày 24/02/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị S chung sống như vợ chồng khoảng gần 20 năm, có làm đám phật, có đăng ký kết hôn như chị S trình bày là đúng. Anh thừa nhận anh có uống rượu, trong lúc cãi vã cùng chị S anh nóng giận có hù dọa và đập phá đồ đạc trong gia đình nhưng anh không có ham mê cờ bạc như lời chị S trình bày; vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau do anh làm không có tiền, sau khi cãi xong chị S tự ý bỏ nhà ra đi không nói với anh tiếng nào, anh có điện thoại nhưng chị S không nghe máy. Nay chị S yêu cầu xin ly hôn cùng anh, anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ con anh mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Về con chung: Như chị S trình bày là đúng, vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Đan H, sinh ngày 30/12/2003; hiện con đang sống chung cùng với vợ chồng. Nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị S nuôi dưỡng con chung anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị S đối với anh Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ghi nhận chị S và anh T thống nhất về con chung giao cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Nguyễn Đan H, sinh ngày 30/12/2003; theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị S có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị S và anh Nguyễn Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị S và anh T không hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu, cờ bạc không quan tâm chăm sóc gia đình, chị S có khuyên nhiều lần nhưng anh T không nghe, trái lại anh còn hù dọa và đập phá đồ đạc tài sản trong gia đình dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Đến tháng 12-2019 chị S về bên gia đình em ruột sống, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án anh T cũng không gặp chị S để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ anh T không có thiện chí để vợ chồng được đoàn tụ, mà bỏ mặc vợ con. Hơn nữa anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt, nên tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là có căn cứ.

[2] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Đan H, sinh ngày 30/12/2003; chị S và anh T thống nhất giao con chung cho chị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị S tiếp tục được quyền nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, 81; 82 của Luật hôn nhân và Gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị S đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Trần Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị S được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đan H, sinh ngày 30/12/2003. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ghi nhận chị S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0000005 ngày 27-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Trạch, Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Lê